BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDCT VIỆT NAM
Số: 3299 /QĐ-HVYDCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận trúng tuyển Chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền đợt 2 năm 2023

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa cấp I chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 622/BYT-K2ĐT ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo Bộ Y tế về việc hướng dẫn tuyển sinh và đào tạo Chuyên khoa I, Chuyên khoa II và Bác sĩ Nội trú năm 2020;

Căn cứ kết quả tuyển sinh Chuyên khoa I đợt 2 năm 2023 và Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh sau đại học đợt 2 năm 2023 của Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam về việc xét duyệt và công nhận kết quả tuyển sinh Chuyên khoa I đợt 2 năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận trúng tuyển Chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền đợt 2 năm 2023 cho 71 thí sinh (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Các ông (bà) Trưởng phòng: Đào tạo sau đại học, Quản lý chất lượng, Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, Tài chính kế toán, Hành chính - Tổng hợp; các thí sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Bộ Y tế (để b/c);
- Đăng Website;
- Lưu: VT, SĐH.

GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Nguyễn Quốc Huy

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN
CHUYÊN KHOA I NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN ĐỢT 2 NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 3299 /QĐ-HVYDCT ngày 14 tháng 11 năm 2023
của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

TT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Điểm thi		Ưu tiên	Ghi chú
						Chuyên ngành YHCT	Sinh lý		
1	CKI001	Đỗ Lan	Anh	Nữ	28/11/1977	**7,25**	**8,25**	Không	
2	CKI002	Hoàng Thị Lan	Anh	Nữ	10/11/1994	**8,5**	**8,0**	Không	
3	CKI003	Lê Thị Bảo	Anh	Nữ	25/02/1995	**8,0**	**7,75**	Không	
4	CKI004	Lưu Thị Hải	Anh	Nữ	10/08/1993	**7,0**	**7,5**	Không	
5	CKI005	Nguyễn Đức	Anh	Nam	11/03/1997	**5,5**	**6,25**	Không	
6	CKI006	Trần Văn	Anh	Nam	18/08/1988	**5,5**	**7,75**	Không	
7	CKI007	Hoàng Anh	Cường	Nam	06/02/1993	**6,75**	**7,0**	Không	
8	CKI009	Nguyễn Lương Quỳnh	Châu	Nữ	31/05/1996	**5,75**	**6,75**	Không	
9	CKI010	Nguyễn Huệ	Chi	Nữ	06/11/1987	**5,75**	**6,0**	Không	
10	CKI011	Nguyễn Thị	Chinh	Nữ	05/06/1993	**8,0**	**7,5**	Không	

11	CKI012	Vũ Văn	Chuyên	Nam	28/09/1991	**6,5**	**7,0**	Không	
12	CKI013	Chúc Thùy	Dung	Nữ	26/09/1991	**7,0**	**7,75**	Không	
13	CKI014	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	Nữ	20/09/1991	**7,0**	**6,25**	Không	
14	CKI015	Mai Hữu	Dũng	Nam	03/04/1977	**5,5**	**5,25**	Không	
15	CKI016	Vũ Thế	Duy	Nam	12/12/1995	**7,5**	**5,25**	Không	
16	CKI017	Triệu Sinh	Dương	Nam	29/09/1984	**6,0**	**7,25**	Không	
17	CKI018	Lã Văn	Đạt	Nam	06/07/1993	**7,5**	**5,75**	Không	
18	CKI019	Đỗ Viết	Đức	Nam	03/11/1986	**5,75**	**6,75**	Không	
19	CKI020	Đặng Văn	Hà	Nam	16/10/1985	**7,5**	**6,5**	**1**	
20	CKI021	Vũ Thị	Hà	Nữ	24/03/1994	**8,5**	**6,75**	Không	
21	CKI023	Nguyễn Văn	Hải	Nam	06/02/1987	**7,5**	**5.0**	Không	
22	CKI024	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	30/03/1994	**8,0**	**7,75**	Không	
23	CKI025	Nguyễn Thị Bích	Hằng	Nữ	30/01/1995	**5,75**	**7,25**	Không	
24	CKI026	Nguyễn Duy	Hiệp	Nam	15/10/1991	**6,25**	**6,75**	Không	
25	CKI027	Lê Văn	Hiếu	Nam	15/02/1995	**6.,25**	**7,25**	Không	
26	CKI028	Vũ Ngọc	Hiếu	Nam	15/08/1995	**7,0**	**7,5**	Không	
27	CKI030	Lê Thị Diệu	Hồng	Nữ	03/12/1986	**7,25**	**7,0**	Không	
28	CKI031	Hoàng Thị	Huệ	Nữ	03/05/1990	**6,75**	**7,25**	Không	

29	CKI033	Phạm Thị	Huyền	Nữ	04/04/1990	**6,5**	**7,0**	Không	
30	CKI034	Trịnh Thị	Huyền	Nữ	17/02/1993	**6,75**	**7,5**	Không	
31	CKI035	Chu Thị Thu	Hương	Nữ	20/08/1995	**7,75**	**6,75**	Không	
32	CKI036	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	15/03/1980	**6,25**	**8,0**	Không	
33	CKI037	Phùng Bắc	Kiên	Nam	20/06/1991	**7,75**	**7,0**	Không	
34	CKI038	Hoàng Nhật	Lệ	Nữ	04/06/1995	**6,0**	**8,5**	Không	
35	CKI039	Trần Thị Thuỳ	Linh	Nữ	15/01/1995	**6,25**	**7,5**	**1**	
36	CKI040	Vũ Thùy	Linh	Nữ	19/05/1994	**9,0**	**8,25**	Không	
37	CKI041	Nguyễn Văn	Lĩnh	Nam	23/11/1994	**8,5**	**8,0**	Không	
38	CKI042	Tạ Dương Thảo	Ly	Nữ	01/07/1993	**8,5**	**7,25**	Không	
39	CKI043	Đỗ Đức	Mẫn	Nam	22/08/1986	**7,75**	**7,25**	Không	
40	CKI044	Trịnh Văn	Nam	Nam	25/12/1981	**9,0**	**8,5**	Không	
41	CKI045	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	31/08/1983	**7,25**	**7,0**	Không	
42	CKI046	Nguyễn Văn	Nhất	Nam	15/04/1992	**7,25**	**7,5**	Không	
43	CKI047	Hoàng Thị	Oanh	Nữ	25/07/1987	**7,5**	**6,5**	**1**	
44	CKI048	Lê Thị	Phương	Nữ	20/04/1991	**8,75**	**7,75**	**1**	
45	CKI049	Lê Thị Huyền	Phương	Nữ	19/05/1994	**7,5**	**7,25**	Không	
46	CKI050	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	21/12/1992	**8,25**	**7,0**	Không	

47	CKI051	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	21/09/1991	**8,0**	**8,5**	Không	
48	CKI052	Trần	Phương	Nam	27/01/1988	**5,5**	**7,25**	Không	
49	CKI053	Trần Thị	Phương	Nữ	14/08/1989	**6,5**	**6,75**	Không	
50	CKI054	Hoàng Thị	Sáu	Nữ	20/08/1979	**6,5**	**6,5**	Không	
51	CKI055	Đinh Hải	Sơn	Nam	11/04/1996	**8,75**	**6.,75**	Không	
52	CKI056	Nguyễn Phan	Tâm	Nam	15/02/1982	**7.,75**	**7,5**	Không	
53	CKI057	Hoàng Văn	Toản	Nam	16/04/1995	**6,0**	**6,0**	Không	
54	CKI058	Lê Hữu	Tuấn	Nam	29/07/1989	**8,0**	**7,0**	Không	
55	CKI059	Nguyễn Văn	Tư	Nam	10/02/1983	**6,5**	**8,25**	Không	
56	CKI060	Đỗ Văn	Thanh	Nam	25/11/1995	**6,0**	**8,0**	Không	
57	CKI061	Đào Thị	Thảo	Nữ	25/03/1978	**5,5**	**7,25**	Không	
58	CKI062	Đinh Thị Thu	Thảo	Nam	18/02/1996	**7,5**	**8,25**	Không	
59	CKI063	Vương Thị	Thảo	Nữ	15/03/1987	**5,0**	**5,75**	**1**	
60	CKI064	Nguyễn Xuân	Thắng	Nam	24/11/1983	**7,0**	**7,0**	**1**	
61	CKI065	Phạm Đăng	Thắng	Nam	27/07/1981	**8,75**	**8,5**	Không	
62	CKI066	Phan Thị	Thuận	Nữ	22/06/1995	**8,0**	**8,0**	Không	
63	CKI067	Trương Thị	Thuận	Nữ	18/05/1993	**8,25**	**8,75**	Không	
64	CKI068	Dương Thu	Trang	Nữ	17/06/1992	**8,75**	**6,5**	Không	

65	CKI069	Lê Thị Đài	Trang	Nữ	23/05/1989	**8,5**	**8,0**	**1**	
66	CKI070	Lê Thị Thanh	Trang	Nữ	14/01/1996	**7,0**	**8,0**	Không	
67	CKI071	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	19/03/1994	**5,25**	**8,0**	Không	
68	CKI072	Nguyễn Đình	Vĩ	Nam	20/10/1984	**5,25**	**6,5**	Không	
69	CKI073	Nguyễn Đức	Vũ	Nam	01/08/1994	**8,0**	**7,0**	Không	
70	CKI074	Phan Văn Hoàn	Vũ	Nam	16/02/1972	**5,5**	**5,5**	Không	
71	CKI075	Vũ Thị	Xoan	Nữ	20/10/1996	**6,75**	**7,5**	Không	

(Danh sách có 71 thí sinh dự thi)./.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH

HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

PGS.TS. Nguyễn Quốc Huy